TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THUỶ
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08/4/2019
V/v: Ly hôn, nuôi con chung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THUỶ, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ông Ngọc Lễ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Xuân Trường
2. Ông Ngụy Thanh Tuyên

- Thư ký phiên toà*: Bà Trịnh Thị Mừng* – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giao Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:195/2018/TLST-HNGĐ ngµy 06 th¸ng 12 n¨m 2018 về việc "Ly hôn, nuôi con chung", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2019;Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985
Địa chỉ: Xóm 7, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định
Bị đơn: Anh Đinh Văn T; sinh năm 1985.
Địa chỉ: Xóm 12, xã Gi, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.
Tại phiên tòa: có mặt chị T, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2018, bản tự khai ngày 09/01/2019 và tại phiên tòa chị Phạm Thị T nguyên đơn trong vụ án trình bày: Chị và anh Đinh Văn T tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã Gi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2008. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh T không quan tâm đến gia đình, hay rượu chè, cờ bạc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2018

đến nay không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau và không thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đinh Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đinh Thị Trà M, sinh ngày 03/11/2009, vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 09/01/2019 cháu Đinh Thị Trà M trình bày nguyện vọng của cháu được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản làm việc ngày 22/02/2019 bà Bùi Thị M là mẹ đẻ của anh Đinh Văn T trình bày: Anh T đang đi làm ăn xa nhà, gia đình có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Mỗi lần nhận được văn bản của Tòa án, gia đình đã giao (khi anh T đi làm về nhà) hoặc thông báo cho anh T biết, nhưng anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, anh không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy nội dung nguyên đơn chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, về nuôi con chung đối với anh Đinh Văn T; Địa chỉ nơi cư trú: Xóm 12, xã G, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy. Anh Đinh Văn T (là bị đơn) đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đinh Văn T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Đinh Văn T tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã G, huyện Giao Thủy cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12 tháng 11 năm 2008 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 9 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T không quan tâm đời sống chung của vợ chồng. Khi chị T có đơn khởi kiện ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án anh T đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án thể hiện anh không thiết tha đến đoàn tụ vợ chồng. Hơn nữa từ khi vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa càng thể hiện hạnh phúc gia đình không còn.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận nguyện

vọng của chị T xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đinh Thị Trà M, sinh ngày 03/11/2009. Chị T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện thực tế hiện nay cháu M đang ở cùng mẹ nên giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

[4]. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, các mối quan hệ khác về tài sản và ruộng khoán của hợp tác xã: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Đinh Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi con chung là Đinh Thị Trà M, sinh ngày 03/11/2009, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0000088 ngày 05/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Cơ quan đã cấp giấy CNKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Ông Ngọc Lễ